

Bản án số 388/2023/HS-PT
Ngày 23/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Vũ Đông.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh Thành, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 348/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Chu Trọng Q, do có kháng cáo của bị cáo, người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2023/HS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:***

Họ và tên: **Chu Trọng Q**, sinh năm 1985; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKTT và nơi ở hiện tại: thôn Đông L, xã Quảng M, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 22/10/2021, Đảng ủy Công an tỉnh Bắc Giang có Giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt Đảng về Chi bộ thôn Đông L, xã Quảng M, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, tuy nhiên Q không nộp Giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt Đảng và không tham gia sinh hoạt Đảng, ngày 14/02/2023 Huyện ủy Việt Y ra Quyết định số 582-QĐ/HU xóa tên trong danh sách Đảng viên đối với Chu Trọng Q; con ông Chu Trọng Q1 và bà Trần Thị Ngh; có vợ là Lý Thị Ng (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang; có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Chu Trọng Q do Tòa án chỉ định:*** Luật sư Nguyễn Văn Th - Văn phòng Luật sư Phạm Xuân A - Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang; có mặt.

*** Người bị hại có kháng cáo:** Chị Nguyễn Huyền Tr, sinh năm 1987; nơi cư trú: Lô số 21 đường Phan Chu Ch, tổ dân phố Tân M1, phường Đa M1, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người bị hại khác không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Trọng Q, sinh năm 1985, trú tại thôn Đông L, xã Quảng M, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, nguyên là cán bộ Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Bắc Giang, nguyên Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Ngày 15/5/2014 Chu Trọng Q được Giám đốc Công an tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng minh Công an nhân dân số 187-194, ngày 07/11/2014 được Đảng bộ tỉnh Bắc Giang cấp Thẻ Đảng viên số 03.076210. Ngày 22/10/2021, Giám đốc Công an tỉnh Bắc Giang đã ban hành quyết định cho xuất ngũ đối với Q.

Khoảng tháng 4/2021, Q sử dụng điện thoại truy cập mạng xã hội Facebook thấy có người không rõ tên, tuổi, địa chỉ đăng nội dung nhận làm giả các loại giấy tờ, tài liệu. Q đã liên hệ, thuê người đó làm giả 02 Thẻ Đảng viên và 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân mang tên mình với giá 3.000.000 đồng. Q đã gửi hình ảnh chụp Thẻ Đảng viên và Giấy chứng minh Công an nhân dân của Q cho đối tượng làm giả, yêu cầu thay số Giấy chứng minh Công an nhân dân từ số 187-194 cấp ngày 15/5/2013 thành số 187-193 cấp ngày 15/5/2014, còn các nội dung khác giữ nguyên; Thẻ Đảng viên số 03.076210 cấp ngày 07/11/2014 thành số 03.076211 cấp ngày 07/11/2013, còn các nội dung khác giữ nguyên. Đến khoảng tháng 6/2021, do cần tiền chi tiêu cá nhân, Q đã nảy sinh ý định sử dụng Giấy chứng minh Công an nhân dân giả và Thẻ Đảng viên giả đem thế chấp để vay tiền, chiếm đoạt tổng số 850.000.000 đồng của những người bị hại sau:

1. Chiếm đoạt của anh Dương Văn H, sinh năm 1965, trú tại ki ốt chợ Mỹ Đ, phường Mỹ Đ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang số tiền 120.000.000 đồng:

Chu Trọng Q có quan hệ quen biết với anh Trần Nam Ph, sinh năm 1971, trú tại số 87 đường Nguyễn Thị Minh Kh, phường Xương Gi, thành phố Bắc Giang. Ngày 05/6/2021, Q đến nhà anh Ph đặt vấn đề vay tiền, do không có tiền nên anh Ph cho Q số điện thoại của anh Dương Văn H và bảo Q tự liên lạc. Q điện thoại cho anh H hỏi vay tiền thì anh H đồng ý. Ngay sau đó Q đến gặp anh H và giới thiệu đang công tác tại Công an tỉnh Bắc Giang; Q đặt vấn đề vay tiền anh H để kinh doanh, thời hạn vay đến ngày 05/8/2021, anh H đồng ý nhưng yêu cầu Q phải có 02 loại giấy tờ đặt để làm tin. Q đã giao cho anh H 01 Thẻ Đảng viên giả và 01 Giấy phép lái xe hạng B2; anh H giao cho Q 120.000.000 đồng. Q viết, ký

vào giấy vay tiền giao anh H giữ. Số tiền chiếm đoạt được Q khai sử dụng mua xỏ số lô tô, đánh bạc và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 13/12/2021, anh H có đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 Giấy vay tiền đề ngày 05/6/2021; 01 Thẻ Đảng viên số 03.076211 cấp ngày 07/11/2013 mang tên Chu Trọng Q và 01 Giấy phép lái xe số 98.001544, hạng B2 mang tên Chu Trọng Q.

2. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1971, trú tại số nhà 32 tổ dân phố 2, phường Mỹ Đ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang số tiền 150.000.000 đồng:

Chu Trọng Q có quan hệ quen biết với anh Ngô Trí H1, sinh năm 1961, trú tại số 04, tổ dân phố 4, phường Mỹ Đ, thành phố Bắc Giang. Ngày 23/7/2021, Q đến nhà anh H1 đặt vấn đề vay tiền nhưng anh H1 không đồng ý. Thời điểm này chị Nguyễn Thị Thu B có mặt tại nhà anh H1 nên Q tiếp tục đặt vấn đề vay tiền chị B. Do biết Q đang công tác tại Công an tỉnh Bắc Giang nên chị B đồng ý nhưng yêu cầu Q phải có giấy tờ đặt làm tin và viết giấy nhận tiền với nội dung để mua hộ chị B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH, hạn đến ngày 23/9/2021 sẽ giao xe. Q đồng ý và đã giao cho chị B 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả; chị B giao cho Q 150.000.000 đồng, Q viết, ký vào giấy biên nhận giao cho chị B giữ. Số tiền chiếm đoạt được Q khai sử dụng trả lãi cho anh H, đánh bạc và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 24/10/2021, chị B có đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 bản ảnh chụp Giấy chứng minh công an nhân dân số 187-193 mang tên Chu Trọng Q cấp ngày 15/5/2014, 01 bản ảnh chụp Giấy nhận tiền đề ngày 23/7/2021. Đến ngày 26/11/2021, Q trả tiền cho chị B, chị B đã trả lại cho Q 01 Giấy chứng minh công an nhân dân giả và 01 Giấy nhận tiền nêu trên.

3. Chiếm đoạt của anh Đào Triệu Đ1, sinh năm 1986, trú tại thôn Song Kh, xã Song Kh, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang số tiền 350.000.000 đồng:

Chu Trọng Q có quan hệ quen biết với anh Đào Triệu Đ1. Ngày 12/8/2021, Q đến gặp anh Đ1, giới thiệu mình đang công tác tại Công an tỉnh Bắc Giang, cho anh Đ1 xem Thẻ Đảng viên giả. Sau đó Q đặt vấn đề vay 350.000.000 đồng, anh Đ1 đồng ý nhưng yêu cầu Q phải viết giấy nhận tiền với nội dung Q nhận tiền để xin việc cho vợ anh Đ1 là chị Trần Thị Tr vào làm kế toán tại Công an tỉnh Bắc Giang, Q đồng ý. Anh Đ1 đã sử dụng điện thoại chụp ảnh Thẻ Đảng viên của Q rồi giao cho Q 350.000.000 đồng. Q viết, ký vào giấy nhận tiền rồi giao anh Đ1 giữ. Số tiền chiếm đoạt được Q khai sử dụng mua xỏ số lô tô, đánh bạc và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 26/10/2021, anh Đ1 có đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 Giấy nhận tiền đề ngày 12/8/2021, 01 bản ảnh chụp Thẻ Đảng viên số 03.076211 cấp ngày 07/11/2013 mang tên Chu Trọng Q.

4. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Huyền Tr, sinh năm 1987, trú tại lô số 21 đường Phan Chu Ch, tổ dân phố Tân M1, phường Đa M1, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang số tiền 230.000.000 đồng:

Chu Trọng Q có quan hệ quen biết với chị Nguyễn Huyền Tr từ trước. Ngày 18/9/2021, Q đến nhà chị Tr, cho chị Tr xem Thẻ Đăng viên giả và Giấy phép lái xe hạng B1; Q đặt vấn đề vay 230.000.000 đồng, chị Tr đồng ý nhưng yêu cầu Q phải viết giấy biên nhận với nội dung Q nhận tiền để xin việc cho chị Tr vào làm công việc nấu ăn tại Công an tỉnh Bắc Giang, Q đồng ý. Chị Tr đã sử dụng điện thoại chụp ảnh Thẻ Đăng viên và Giấy phép lái xe của Q rồi giao cho Q 230.000.000 đồng; Q viết, ký vào giấy biên nhận giao chị Tr giữ. Số tiền chiếm đoạt được Q khai sử dụng mua xỏ số lô tô, đánh bạc và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 26/10/2021, chị Tr có đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra Giấy biên nhận đề ngày 18/9/2021; bản ảnh chụp Giấy phép lái xe số 98.001544M, hạng A1 mang tên Chu Trọng Q và hình ảnh Thẻ Đăng viên số 03.076211 cấp ngày 07/11/2013 mang tên Chu Trọng Q.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên “Giấy vay tiền” đề ngày 05/6/2021, Thẻ Đăng viên mang tên Chu Trọng Q, Giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Chu Trọng Q do anh Dương Văn H giao nộp; trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên “Giấy nhận tiền” đề ngày 12/8/2021 do anh Đào Triệu Đ1 giao nộp; “Giấy biên nhận” đề ngày 18/9/2021 do chị Nguyễn Huyền Tr giao nộp.

Kết luận giám định số 2005 ngày 14/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ ký, chữ viết trên “Giấy nhận tiền” ngày 12/8/2021 và “Giấy biên nhận” ngày 18/9/2021 (trừ chữ viết có nội dung “Q” tại mặt sau “Giấy nhận tiền” ngày 12/8/2021) so với chữ ký, chữ viết của Chu Trọng Q trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

Kết luận giám định số 02 ngày 04/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Thẻ Đăng viên số 03.076211 mang tên Chu Trọng Q gửi giám định là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký, chữ viết trên “Thẻ Đăng viên” số 03.076211 mang tên Chu Trọng Q gửi giám định và trên “Giấy vay tiền” ngày 05/6/2021- trừ chữ viết có nội dung “H” dưới mục “Người cho vay” so với chữ ký, chữ viết của Chu Trọng Q trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

Kết luận giám định số 2158 ngày 24/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Phôi “Giấy phép lái xe” số 98.001544, hạng B2, mang tên Chu Trọng Q cần giám định là thật, nội dung không bị tẩy xóa, sửa chữa.

- Hình dấu tròn có nội dung “Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Bắc Giang” trên tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung mẫu lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang là do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Văn Tuấn trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Văn Tuấn mẫu lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang là do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra Chu Trọng Q khai vay tiền của anh Dương Văn H với lãi suất 2.500 đồng/triệu/ngày, Q đã trả lãi cho anh H 28.800.000 đồng; vay tiền chị Nguyễn Thị Thu B với lãi suất 2.500 đồng/triệu/ngày, Q đã trả lãi cho chị B 22.500.000 đồng; vay tiền anh Đào Triệu Đ1 với lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày, đã trả lãi cho anh Đ1 21.000.000 đồng; vay tiền chị Nguyễn Huyền Tr với lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày, đã trả lãi cho chị Tr 13.800.000 đồng. Tuy nhiên anh H, chị B, anh Đ1, chị Tr không thừa nhận việc cho Q vay tiền có lãi và từ chối đối chất với Q. Xét thấy ngoài lời khai của Q ra thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện những người bị hại cho Q vay tiền có tính lãi nên không có căn cứ xem xét xử lý đối với anh H, chị B, anh Đ1 và chị Tr về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Chu Trọng Q khai nhiều lần đến sỏi bạc tại khu vực Hang Dơi thuộc huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn để tham gia đánh bạc nhưng Q không biết tên, tuổi, địa chỉ của những người tham gia đánh bạc cùng. Ngày 09/11/2022, Cơ quan điều tra ban hành Văn bản số 4948, thông báo cho Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xác minh, làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

Đối với người nhận làm giả Thẻ Đảng viên và Giấy chứng minh Công an nhân dân cho Q. Do Q không biết tên, tuổi, địa chỉ, không nhớ tên nick Facebook nên không có căn cứ xác minh, xử lý.

Đối với 01 Thẻ Đảng viên giả Q đưa cho anh Đào Triệu Đ1, chị Nguyễn Huyền Tr xem và chụp ảnh lại để làm tin; 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả Q giao cho chị B giữ làm tin. Sau khi chị B trả lại, Q đã đốt tiêu hủy cùng 01 Thẻ Đảng viên giả.

Đối với chiếc điện thoại Q sử dụng đăng nhập, truy cập mạng xã hội Facebook để thuê làm giả Thẻ Đảng viên và Giấy chứng minh Công an nhân dân, Q khai đã bán tại Hà Nội, không nhớ tên, địa chỉ cửa hàng. Do đó không có căn cứ xem xét, thu giữ.

Cáo trạng số 03/KSĐT ngày 14/12/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Chu Trọng Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Làm, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2023/HS-ST ngày 23/02/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Chu Trọng Q 11 (Mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Chu Trọng Q 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Làm, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Chu Trọng Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội là 13 (Mười ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/3/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 589, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Chu Trọng Q phải bồi thường cho ông Dương Văn H 120.000.000 đồng; anh Đào Triệu Đ 1 350.000.000 đồng; chị Nguyễn Huyền Tr 230.000.000 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01/3/2023, bị cáo Chu Trọng Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/3/2023, người bị hại chị Nguyễn Huyền Tr kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Chu Trọng Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Chu Trọng Q tự nguyện xin rút toàn bộ kháng cáo. Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không nhất trí với kháng cáo của người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo lừa đảo chiếm đoạt số tiền 850 triệu đồng, đã bồi thường được 150 triệu đồng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo mức dưới khung hình phạt là có căn cứ pháp luật, không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bị hại chị Nguyễn Huyền Tr giữ nguyên kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Chu Trọng Q và trình bày: Bị cáo lợi dụng chức vụ quyền hạn là công an để đi lừa đảo chiếm đoạt của chị 230.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt là nhẹ, bị cáo chưa bồi thường cho chị đồng nào.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm phát biểu:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Chu Trọng Q xin rút toàn bộ đơn kháng cáo, việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Chu Trọng Q. Đối với kháng cáo của người bị hại chị Nguyễn Huyền Tr đề nghị tăng hình phạt đối

với bị cáo Chu Trọng Q, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của của người bị hại chị Nguyễn Huyền Tr; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của bị cáo Chu Trọng Q, người bị hại chị Nguyễn Huyền Tr đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Chu Trọng Q đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng tháng 4/2021, Chu Trọng Q đã thuê người làm giả 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân và 02 Thẻ Đảng viên với giá 3.000.000 đồng. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 05/6/2021 đến ngày 18/9/2021, Q đã sử dụng Giấy chứng minh Công an nhân dân giả và 02 Thẻ Đảng viên giả để vay tiền, chiếm đoạt của 04 người bị hại là chị Nguyễn Thị Thu B 150.000.000 đồng, anh Dương Văn H 120.000.000 đồng, anh Đào Triệu Đ 350.000.000 đồng, chị Nguyễn Huyền Tr 230.000.000 đồng. Tổng số tiền Q lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại là 850.000.000 đồng, bị cáo đã khắc phục được 150.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 700.000.000 đồng.

Do có hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Chu Trọng Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Làm, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và không oan đối với bị cáo.

[2.2] Xét kháng cáo của người bị hại chị Nguyễn Huyền Tr đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Chu Trọng Q, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Q là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội, bị dư luận và quần chúng nhân dân đặc biệt lên án. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của bị cáo xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về tài liệu, giấy tờ. Vì vậy, việc xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo là cần thiết.

Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo Chu Trọng Q phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đối với cả 02 tội. Bị cáo Chu Trọng Q có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả bồi thường một phần cho người bị hại, sau khi phạm tội đã ra đầu thú; quá trình công tác được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, Giám đốc Công an tỉnh Bắc Giang tặng Giấy khen; có bố đẻ là ông Chu Trọng Q1 được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến, Huân chương chiến sỹ vẻ vang, Bộ tư lệnh Bộ đội biên phòng tặng Kỷ niệm chương vì chủ quyền an ninh biên giới. Đây là tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo quy định tại điểm s, điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa người bị hại chị Nguyễn Huyền Tr đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo Chu Trọng Q với lý do: Bị cáo lợi dụng chức vụ quyền hạn là công an để đi lừa đảo chiếm đoạt của chị 230.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt là nhẹ, bị cáo chưa bồi thường cho tội đồng nào. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Chu Trọng Q có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy, đối trừ giữa tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ thì bị cáo Q không đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Chu Trọng Q 11 (Mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là chưa đảm bảo tính nghiêm khắc và răn đe phòng ngừa chung. Đối với tội “Làm, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Chu Trọng Q 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù là có căn cứ pháp luật. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của người bị hại tăng hình phạt đối với bị cáo Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa bị cáo Q không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ xin giảm nhẹ nào mới đồng thời bị cáo Chu Trọng Q xin rút đơn kháng cáo, việc rút đơn kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Chu Trọng Q.

[3]. Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa không nhất trí kháng cáo của người bị hại tăng hình phạt cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị cáo Chu Trọng Q, chị Nguyễn Huyền Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357; Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo bị cáo Chu Trọng Q.

2. Chấp nhận kháng cáo của người bị hại chị Nguyễn Huyền Tr tăng mức hình phạt đối với bị cáo Chu Trọng Q. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2023/HS-ST ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Chu Trọng Q 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Chu Trọng Q 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Làm, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự; Buộc bị cáo Chu Trọng Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội là 14 (Mười bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/3/2022.

3. Về án phí: Bị cáo Chu Trọng Q, chị Nguyễn Huyền Tr không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học

Nguyễn Vũ Đông

Phạm Việt Hà